

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Phạm Thị Hiền

Môn học: Sinh học

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Phạm Thị Hiền

Môn học: Sinh học

Lớp giảng dạy: 11B1, 11B3, 11B4, 12C2, 12C3, 12C4, 12C5

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

LỚP: 11B1**MÔN: SINH HỌC****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Bùi Huy Anh															
2	Trương Thị Mỹ Hiền															
3	Lê Minh Hoàng															
4	Nguyễn Hữu Minh Hoàng															
5	Nguyễn Thanh Hoàng															
6	Trương Thị Ngọc Huệ															
7	Nguyễn Ngọc Huy															
8	Đặng Mạnh Hùng															
9	Phan Sông Hương															
10	Võ Nguyên Khang															
11	Võ Anh Kiệt															
12	Nguyễn Thị Mỹ Linh															
13	Nguyễn Thị Thùy Linh															
14	Nguyễn Thị Thùy Linh															
15	Nguyễn Quang Long															
16	Vũ Thành Nam															
17	Đình Tổng Kim Ngân															
18	Lê Ngọc Mỹ Ngân															
19	Nguyễn Thị Kim Ngân															
20	Nguyễn Mai Uyên Nhi															
21	Lê Thị Hồng Nhung															
22	Nguyễn Hoàng Phúc															
23	Nguyễn Văn Phúc															
24	Nguyễn Thị Bích Phượng															
25	Nguyễn Vương Quốc															
26	Nguyễn Hoàng Trúc Quỳnh															
27	Nguyễn Xuân Quý															
28	Nguyễn Thị Minh Tâm															
29	Huỳnh Dương Phương Thảo															
30	Vương Huy Đức Thịnh															
31	Nguyễn Lê Anh Thư															
32	Trần Anh Thư															
33	Nguyễn Quốc Tính															
34	Nguyễn Ngọc Trai															
35	Nguyễn Thùy Trang															
36	Nguyễn Công Trịnh															
37	Bùi Nguyễn Thanh Trúc															
38	Lê Anh Tú															
39	Nguyễn Bảo Uyên															
40	Đoàn Thị Tường Vy															
41	Nguyễn Thị Thu Hoài															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																

LỚP: 11B3**MÔN: SINH HỌC****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Cao Thị Minh An											
2	Nguyễn Duy Anh											
3	Trần Lê Anh Duy											
4	Lê Thùy Duyên											
5	Phạm Huy Hoàng											
6	Lê Minh Huy											
7	Nguyễn Thành Huy											
8	Nguyễn Thu Huyền											
9	Đặng Minh Khoa											
10	Nguyễn Thị Kỳ											
11	Dương Võ Hoài Trúc Linh											
12	Tổng Thị Thùy Linh											
13	Nguyễn Thị Kim Mỹ											
14	Võ Thị Thu Ngân											
15	Nguyễn Vũ Trung Nghĩa											
16	Lê Thị Thảo Nguyên											
17	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên											
18	Thái Võ Hồng Nhung											
19	Võ Thị Hoàng Oanh											
20	Lê Trung Phiên											
21	Lê Hồng Phúc											
22	Nguyễn Như Phụng											
23	Nguyễn Văn Phụng											
24	Trần Vinh Quang											
25	Võ Thụy Lan Quyên											
26	Võ Thanh Sang											
27	Phạm Thị Tố Tâm											
28	Phạm Huỳnh Thái											
29	Đỗ Thanh Thảo											
30	Trần Như Thảo											
31	Nguyễn Phạm Minh Thiên											
32	Võ Xuân Thịnh											
33	Văn Thành Thông											
34	Cao Thị Thu Thủy											
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên											
36	Hứa Thị Thùy Trang											
37	Nguyễn Thị Hân Trang											
38	Đỗ Ngọc Trân											
39	Đoàn Minh Trí											
40	Dương Nhất Trung											
41	Huỳnh Thị Kim Vàng											
42	Nguyễn Thảo Nguyên											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 11B4**MÔN: SINH HỌC****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Phạm Nguyễn Văn Hoài Anh															
2	Nguyễn Văn Bảo															
3	Đặng Anh Dũng															
4	Lê Thị Thùy Dương															
5	Trần Tiến Đạt															
6	Trần Thị Hà															
7	Trần Minh Hiếu															
8	Đào Vĩnh Hiệp															
9	Trần Thị Tuyết Hoa															
10	Nguyễn Thị Bích Hợp															
11	Phạm Nam Khánh															
12	Phạm Nguyễn Văn Khánh															
13	Lê Trần Tuấn Kiệt															
14	Ngô Anh Kiệt															
15	Đặng Thị Phương Linh															
16	Nguyễn Mai Linh															
17	Mang Thị Thanh Na															
18	Lê Thanh Nam															
19	Lê Thanh Ngân															
20	Thái Ngọc Nghĩa															
21	Trịnh Trần Trọng Nghĩa															
22	Nguyễn Đức Nhân															
23	Huỳnh Thị Quỳnh Như															
24	Nguyễn Đình Sinh															
25	Nguyễn Thị Mỹ Thảo															
26	Nguyễn Thị Thu Thảo															
27	Trần Thị Hồng Thắm															
28	Phùng Thị Cẩm Thúy															
29	Trần Minh Thư															
30	Thái Thị Ngọc Thương															
31	Phan Anh Thy															
32	Kha Diệu Cẩm Tiên															
33	Bo Thị Trang															
34	Nguyễn Thị Việt Trinh															
35	Nguyễn Mai Anh Trúc															
36	Phan Lê Anh Tuấn															
37	Ca Thị Mỹ Uyên															
38	Trần Huỳnh Hiền Vi															
39	Trần Vũ Khánh Vi															
40	Đoàn Ngọc Thảo Vy															
41	Phạm Thị Ngọc Vy															

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 12C2**MÔN: SINH HỌC****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Huỳnh Thị Ngọc Anh															
2	Nguyễn Nhật Băng															
3	Huỳnh Anh Chương															
4	Trương Thị Thanh Thanh Giang															
5	Trần Thị Thu Hà															
6	Nguyễn Tiến Hải															
7	Lê Thị Diệu Hiền															
8	Lê Trung Hiếu															
9	Trần Thị Thanh Hoa															
10	Phạm Quốc Huy															
11	Lê Khoa Vĩ Hùng															
12	Ngô Duy Khánh															
13	Lê Anh Kiệt															
14	Vũ Thị Hoài Lam															
15	Võ Thành Nam															
16	Huỳnh Thị Thu Ngân															
17	Trương Thị Phương Ngân															
18	Võ Thị Kim Ngân															
19	Nguyễn Trúc Hoàng Ngọc															
20	Võ Thị Mỹ Nữ															
21	Hán Thị Kiều Oanh															
22	Bùi Hồng Phúc															
23	Phạm Thị Như Phương															
24	Nguyễn Thị Hạ Quyên															
25	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh															
26	Lê Văn Tài															
27	Đặng Kim Thi															
28	Võ Hoàng Phúc Thiên															
29	Nguyễn Thị Thùy															
30	Nguyễn Thị Thùy Trang															
31	Nguyễn Thị Thanh Trúc															
32	Nguyễn Thị Ngọc Tuệ															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																

LỚP: 12C3

MÔN: SINH HỌC

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Võ Thị Quỳnh Anh											
2	Đặng Tiểu Bình											
3	Trần Nguyễn Đức Duy											
4	Lưu Ngọc Mỹ Duyên											
5	Đỗ Quang Dũng											
6	Võ Thị Hồng Giang											
7	Cao Gương											
8	Đặng Ngọc Ánh Hà											
9	Phan Thanh Hải											
10	Nguyễn Thị Thu Hằng											
11	Kiều Thanh Hiền											
12	Nguyễn Phúc Hiệp											
13	Nguyễn Ngọc Huy Hoàng											
14	Trần Thị Như Huế											
15	Hoàng Quang Huy											
16	Lâm Văn Huy											
17	Nguyễn Minh Huy											
18	Lê Việt Hưng											
19	Lê Hoàng Khánh											
20	Lê Thị Thùy Linh											
21	Nguyễn Hữu Ái Linh											
22	Nguyễn Thị Khánh Linh											
23	Đặng Thị Thanh Mai											
24	Đặng Ngọc Uyên Nhi											
25	Nguyễn Hoài Phương											
26	Ông Hòa Quốc											
27	Trần Thị Thanh Thảo											
28	Võ Đình Thông											
29	Trần Thủy Tiên											
30	Nguyễn Văn Tính											
31	Nguyễn Thị Hà Trân											
32	Phạm Minh Triết											
33	Bùi Đức Triệu											
34	Phạm Nguyễn Phương Trinh											
35	Nguyễn Minh Trí											
36	Lê Quốc Trung											
37	Phạm Minh Trung											
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc											
39	Trần Văn Tuấn											
40	Phạm Anh Tuấn											
41	Võ Thị Hiền Vân											
42	Bùi Tuấn Việt											
43	Lương Khánh Vy											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 12C4

MÔN: SINH HỌC

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Lã Thúy Anh															
2	Nguyễn Hoàng Kim Anh															
3	Nguyễn Huỳnh Nhật Anh															
4	Trịnh Thế Bảo															
5	Nguyễn Văn Đạt															
6	Nguyễn Thị Bích Giang															
7	Thái Thị Hậu															
8	Trần Thị Thanh Hiền															
9	Phùng Đức Hiếu															
10	Nguyễn Lê Ngọc Hoài															
11	Phạm Thị Thu Huyền															
12	Nguyễn Ngọc Dư Huỳnh															
13	Đỗ Văn Hùng															
14	Nguyễn Ngọc Hưng															
15	Nguyễn Thị Hương															
16	Phạm Nguyễn Bình Hương															
17	Nguyễn Minh Khoa															
18	Lê Nguyễn Phương Linh															
19	Nguyễn Khánh Linh															
20	Nguyễn Huỳnh Phi Long															
21	Lê Thanh Ngân															
22	Nguyễn Văn Nghĩa															
23	Nguyễn Thị Bích Ngọc															
24	Nguyễn Thị Thảo Nguyên															
25	Ngô Thị Quỳnh Như															
26	Mai Thành Phát															
27	Nguyễn Đức Phú															
28	Trương Trần Phú															
29	Hoàng Đình Phúc															
30	Nguyễn Thành Phụng															
31	Nguyễn Xuân Quát															
32	Lê Thị Ngọc Quyên															
33	Nguyễn Đăng Thanh Sang															
34	Huỳnh Thị Kim Thoa															
35	Đinh Vũ Dạ Thu															
36	Nguyễn Hoàng Anh Thư															
37	Trương Nữ Nhật Cẩm Tiên															
38	Trần Minh Toàn															
39	Nguyễn Hữu Trung															
40	Nguyễn Quốc Trung															
41	Nguyễn Thị Hoàng Trúc															
42	Chế Lê Thị Kim Tuyền															
43	Trương Nữ Nhật Cẩm Tú															
44	Phan Thị Phương Uyên															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																

LỚP: 12C5

MÔN: SINH HỌC

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Nguyễn Ngọc Lan Anh											
2	Đình Ngọc Linh Chi											
3	Trương Minh Chiến											
4	Trần Đoàn Giang											
5	Lê Văn Hiên											
6	Trần Ngọc Hoài											
7	Nguyễn Đỗ Thanh Huyền											
8	Nguyễn Ngọc Huyền											
9	Đào Thị Thu Hương											
10	Nguyễn Thị Trúc Linh											
11	Vũ Hoàng Khánh Linh											
12	Lê Văn Long											
13	Nguyễn Phi Long											
14	Nguyễn Thị Trà My											
15	Nguyễn Thị Kim Ngân											
16	Nguyễn Thị Kim Ngân											
17	Thái Thị Diệu Ngân											
18	Vũ Huỳnh Bích Ngọc											
19	Nguyễn Ngọc Nhớ											
20	Mai Anh Phi											
21	Dương Ngọc Song Quyên											
22	Nguyễn Trần Lê Quyên											
23	Nguyễn Cao Sang											
24	Thái Xuân Sang											
25	Phạm Văn Tín Thành											
26	Lê Như Thoa											
27	Nguyễn Thị Thu Thủy											
28	Đào Thị Thanh Thủy											
29	Phạm Thị Thu Trang											
30	Nguyễn Thị Bích Trâm											
31	Nguyễn Vũ Bảo Trâm											
32	Nguyễn Thị Lệ Trinh											
33	Nguyễn Thị Ngọc Trinh											
34	Nguyễn Trịnh Đức Trí											
35	Lê Anh Trọng											
36	Trần Bảo Trung											
37	Nguyễn Trọng Tuấn											
38	Trương Thị Mỹ Vân											
39	Huỳnh Thị Kim Yến											
40	Mang Thị Diệu											
41	Võ Thị Mỹ Diệu											
42	Thân Thái Đạt											
43	Trần Tiến Đức											
44	Nguyễn Thị Thủy Dương											
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)												
- Giỏi: 0 - 0%												
- Khá: 0 - 0%												
- Trung bình: 0 - 0%												
- Yếu: 0 - 0%												
- Kém: 0 - 0%												



